

Số: /BC-UBND

Vĩnh Giang, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính năm 2024

Thực hiện Công văn số 2748/UBND-NV ngày 09/12/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024. UBND xã Vĩnh Giang báo cáo những kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong năm 2024 như sau :

I. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Tiếp tục tổ chức triển khai chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, kế hoạch cải cách hành chính huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030.

Để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC được tốt, UBND xã luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao, thường xuyên đôn đốc các bộ phận thực hiện nhiệm vụ tại các cuộc họp như họp cơ quan, họp ủy viên ủy ban, các buổi họp triển khai công tác tháng, quý...vv. UBND xã đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai, nâng cao hiệu quả công tác CCHC, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo ANQP tại địa phương.

UBND xã ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 25/10/2021 về ban hành Kế cải cách hành chính nhà nước xã Vĩnh Giang giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024. Trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện của địa phương.

Sau khi UBND huyện ban hành quyết định phê duyệt chỉ số CCHC và kết quả chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ của các xã trên địa bàn huyện. UBND xã đã xây dựng báo cáo khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính và chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ xã Vĩnh Giang năm 2023, chỉ rõ những hạn chế, các tiêu chí bị trừ điểm trong năm 2023 để định hướng nhiệm vụ khắc phục. Theo đó phân tích các nội dung bị trừ điểm, trách nhiệm của các bộ phận chuyên môn về những tồn tại hạn chế và tìm các giải pháp khắc phục trong thực hiện công tác cải cách hành chính và chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ năm 2024.

Công tác ban hành văn bản: Trong năm 2024, UBND xã kịp thời ban hành các văn chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính, cụ thể đã ban hành hơn 20 văn bản bao gồm các Quyết định, Kế hoạch, Công văn, Báo cáo công tác

cải cách hành chính; các văn bản liên quan đến lĩnh vực tư pháp, kiểm soát TTHC, tổ chức bộ máy, chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, kiểm tra công vụ,...

- *Hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của lãnh đạo*: Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, UBND xã đã lồng ghép vào cuộc họp đánh giá tình hình KT-XH, QP-AN 6 tháng đầu năm 2024, yêu cầu khắc phục những tồn tại, hạn chế về công tác CCHC trong 6 tháng đầu năm 2024 và triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về công tác CCHC các tháng cuối năm 2024. Ban hành nhiều công văn, kế hoạch triển khai, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2024.

- *Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC*: Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính xã Vĩnh Giang năm 2024 đã đề ra 33 nhiệm vụ trong năm 2024. Đến ngày 14/12/2024, UBND xã đã và đang triển khai thực hiện được 33/33 nhiệm vụ, đạt 100%. Riêng nội dung giải ngân vốn đầu tư công đạt 97,7%.

- *Công tác tuyên truyền cải cách hành chính*: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 01/02/2024 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Vĩnh Giang năm 2024. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính đã được địa phương quan tâm thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau. Tuyên truyền các giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính PAR Index, chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Tuyên truyền về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thí điểm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường mạng; Tuyên truyền về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính; Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Tuyên truyền về chương trình chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, lan toả các sáng kiến, mô hình hay để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính...

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC trên hệ thống loa truyền thanh xã, trang thông tin điện tử xã và các hình thức phù hợp khác, công tác kiểm tra CCHC trong đó chú trọng việc phối hợp và sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền để cán bộ, công chức nghiêm túc thực hiện. Các tổ chức, công dân nắm được các quy định để thực hiện và kiểm tra việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Tính đến ngày 14/12/2024, UBND xã đã đăng tải 35 bài trên trang thông tin điện tử <http://vinhgiang.vinhlinh.quangtri.gov.vn/> của xã, cụ thể: 19 bài liên quan đến công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; 08 bài tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, 08 bài tuyên truyền về chuyển đổi số. Ngoài ra còn có nhiều tin bài về các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ cải

cách hành chính và 35 tin, bài tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính thông qua Đài Truyền thanh xã.

Bộ phận TN&TKQ hồ sơ tại UBND xã Vĩnh Giang gồm có 04 công chức phụ trách. Thực hiện đúng Quy chế tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại UBND xã.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện giờ làm việc tại công sở, tinh thần thái độ phục vụ người dân của cán bộ, công chức cơ quan. Thực hiện cán bộ, công chức phải đeo thẻ công chức trong giờ làm việc, niêm yết các số điện thoại lãnh đạo và Bộ phận một cửa, theo dõi hộp thư góp ý đối với cán bộ, công chức tại cơ quan để nhân dân biết, góp ý kiến, đánh giá chất lượng công việc, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng, đồng thời là một tiêu chí thi đua hàng năm của CBCC .

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Cải cách thể chế

- Các văn bản dự thảo Nghị quyết của HĐND xã được quan tâm đầu tư xây dựng kỹ lưỡng theo đúng quy trình được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi của văn bản.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND xã: 01 văn bản. Đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 15/01/2024 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024. Trong năm 2024, UBND không nhận được trường hợp khiếu nại, kiến nghị phản ánh của nhân dân về các quy định thủ tục hành chính tại UBND xã và các thủ tục có liên quan đến các cấp.

- UBND xã ban hành và triển khai thực hiện các Kế hoạch về rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024, về thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản QPPL trên địa bàn xã. Báo cáo về công tác tư pháp năm 2024; các báo cáo về kết quả rà soát VB QPPL; Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật năm 2024.

Trong năm 2024, đã tổ chức 02 hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND xã với cán bộ hội viên Hội Nông dân và cán bộ, hội viên Hội LHPN xã.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch của Thủ tục hành chính; tạo sự thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 08/3/2024 về Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn xã Vĩnh Giang.

- UBND xã chỉ đạo kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, bố trí công chức đủ năng lực, phẩm chất và có tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, bố trí trang thiết bị đầy đủ cần thiết cho Bộ phận TN&TKQ.

- UBND xã đã cập nhật bảng niêm yết đầy đủ 142 thủ tục hành chính và công khai trước cửa Bộ phận TN&TKQ hồ sơ, thực hiện in ấn, công khai các thủ tục hành chính, thường xuyên cập nhật những thủ tục hành chính mới nhất cũng như loại bỏ các thủ tục hết hiệu lực.

- Trong năm 2024, thực hiện thủ tục theo cơ chế một cửa, UBND xã đã có thông báo phân công lịch trực tại bộ phận một cửa, hằng ngày có một công chức chuyên môn phụ trách tiếp công dân và giao trả hồ sơ cho công dân thuận tiện trong công tác. Thực hiện thủ tục công chứng chứng thực đầy đủ; lĩnh vực hộ tịch đảm bảo thủ tục khai sinh, khai tử, kết hôn... đúng quy định.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã Vĩnh Giang trong năm 2024 (*Tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 12/12/2024*):

- + Tổng số hồ sơ giải quyết: 2713 hồ sơ.
- + Số hồ sơ nộp trực tuyến: 1954 hồ sơ, chiếm 72%.
- + Số hồ sơ nộp trực tiếp, dịch vụ bưu chính: 754.
- + Số hồ sơ tồn từ kỳ trước: 5 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đã giải quyết: 2711 hồ sơ, trong đó trước hạn 2710 hồ sơ (chiếm 99,96% hồ sơ đã giải quyết), quá hạn: 1 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đang giải quyết: 2 hồ sơ.

Như vậy, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã đã thực hiện khá tốt việc xử lý, giải quyết hồ sơ cho người dân. Tuy nhiên số hồ sơ trực tuyến chưa đạt yêu cầu so với chỉ tiêu huyện giao, trong năm có 01 hồ sơ hộ tịch trễ hẹn trong quý V năm 2024 đã làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết hồ sơ tại xã.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã đã thực hiện tốt việc xử lý, giải quyết hồ sơ cho người dân, tích cực hỗ trợ, hướng dẫn người dân tạo tài khoản công dân, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

Theo báo cáo thống kê dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm một cửa điện tử tỉnh:

Số DVCTT toàn trình phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT toàn trình phát sinh hồ sơ: 2/2, đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 18/34 TTHC, đạt tỷ lệ 52,94%. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 2026/2581 hồ sơ đạt 78,5%.

Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ TTHC khi tiếp nhận: 98,69%; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 99,87%.

Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Không

- *Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.*

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. UBND xã tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong cơ chế một cửa, một cửa liên thông cùng cấp, khác cấp. Cụ thể:

- Đã ban hành Quy chế tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận TN&TKQ hồ sơ tại UBND xã theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 23/8/2023.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Tiếp tục nâng cao tính chủ động trong đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa.

- Trong năm 2024, xã không tiếp nhận trường hợp cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC và hành vi hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ, UBND xã bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức theo đúng vị trí việc làm, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của mỗi CBCC, bộ máy CBCC làm việc có hiệu quả cao, hàng năm tạo điều kiện cho CBCC tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ nhằm phục vụ công tác tốt hơn, hiệu quả hơn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tổng số cán bộ, công chức hiện có: 18 người, trong đó: Cán bộ: 10 người, Công chức: 08 người (*không bao gồm chức danh trưởng công an*).

Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND xã về ban hành Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Căn cứ Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; UBND xã đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên UBND công chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn xã thay thế Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND xã. Bố trí, sử dụng đúng vị trí việc làm, trình độ chuyên môn được đào tạo, phát huy được năng lực, sở trường của Cán bộ, Công chức đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy chế, quy định của cấp trên; đặc biệt là chế độ hội họp, đảm bảo đúng thành phần, thời gian và đạt kết quả sau cuộc họp. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan và đoàn kết trong thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện phân cấp quản lý: UBND xã luôn tăng cường công tác QLNN trên tất cả các lĩnh vực trên địa bàn xã theo sự phân cấp, đôn đốc và kiểm tra đồng thời phát huy tính chủ động, trách nhiệm của UBND xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, phục vụ nhân dân, phân định rõ nhiệm vụ

quản lý nhà nước cho mỗi cán bộ công chức phụ trách tham mưu giải quyết công việc được giao. Phân cấp rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, trách nhiệm, gắn với chức năng, nhiệm vụ của mỗi CBCC; đảm bảo tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm phù hợp với tình hình của địa phương. Kịp thời họp xét và hoàn thành hồ sơ thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức theo quy định. Như đề nghị nâng lương thường xuyên 03 trường hợp, đề nghị xét nâng lương trước thời hạn cho 02 trường hợp.

4. Cải cách chế độ công vụ

Nhằm tăng cường việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn xã, toàn thể cán bộ, công chức chấp hành giờ giấc, thực hiện đeo thẻ CBCC đúng quy định; ăn mặc lịch sự và có thái độ làm việc nghiêm túc đúng chuẩn mực, không phát hiện trường hợp sử dụng rượu bia trong giờ hành chính, buổi trưa ngày làm việc; thái độ phục vụ hòa nhã, văn minh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính trong giải quyết các TTHC; thực hiện nghiêm chỉnh việc thi hành Luật phòng chống tác hại của rượu, bia tại các cơ quan hành chính. Góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành, thực thi các quy định pháp luật.

Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức : UBND xã đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 06/3/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Trong năm 2024, Báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2024 Các cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ các lĩnh vực CCHC, văn thư lưu trữ, quản lý nhà nước về văn hóa, quản lý nhà nước về xây dựng và các chuyên môn nghiệp vụ khác.

*** Về công tác bồi dưỡng**

- Lớp bồi dưỡng Trung cấp chính trị: 02 đồng chí tham gia
- Lớp Bồi dưỡng QP-AN đối tượng 3: 01 đ/c tham gia
- Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hội đoàn thể và công chức chuyên môn: 08 lớp với 10 lượt người tham gia (Bồi dưỡng về thẩm định giá: 02 người; Bồi dưỡng nghiệp vụ hội CCB 01 lượt người; Bồi dưỡng nghiệp vụ hội LHPN 01 lượt người; ...)

*** Về công tác tập huấn:**

Tham gia 12 lớp tập huấn do tỉnh tổ chức với 27 lượt người tham dự Tham gia các lớp tập huấn do huyện tổ chức với trên 100 lượt người tham gia.

Trong năm 2024, tại xã đã tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN đối tượng 4 với tổng 80 lượt người tham dự.

Cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm của cơ quan: bố trí cán bộ công chức đúng yêu cầu vị trí việc làm, tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ là 100%; tỷ lệ công chức đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ là: 100%.

Về cập nhật thông tin trên Hệ thống của tỉnh: UBND xã đã quyết liệt chỉ đạo CBCC cập nhật thông tin theo đúng quy định tại địa chỉ <https://thongtinccvc.quangtri.gov.vn/>. Qua theo dõi, năm 2024 100% CBCC-VC đã thực hiện cập nhật thông tin.

5. Cải cách tài chính công

Triển khai thực hiện đúng các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí. Sửa đổi và ban hành quy chế về chi tiêu nội bộ áp dụng tại UBND xã Vĩnh Giang ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 24/01/2024. Xây dựng và công khai Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại UBND xã theo Quyết định số: 19/QĐ-UBND ngày 24/01/2024. Trong năm 2024, UBND xã đã thực hiện kiểm kê tài sản tại UBND xã.

Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã tập trung quản lý và điều hành ngân sách với mục tiêu đảm bảo các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo QP-AN. Phân bổ và sử dụng kinh phí có mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; chi đúng quy định, chế độ. Tình hình Thu – Chi ngân sách đến ngày 14/12/2024: Thu ngân sách: 108/110,8 triệu đồng đạt 97,4% kế hoạch. Hoàn thành việc quyết toán tài chính ngân sách năm 2023. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công: 1.318/1.350 triệu đồng đạt tỷ lệ 97,7%.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2023 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng trị giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 10/02/2024 về Ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã Vĩnh Giang.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước: Hiện tại UBND xã có 02 máy scan, 18 máy vi tính, 100% cán bộ có máy tính để làm việc. Các máy tính được kết nối internet có ứng dụng phần mềm quản lý văn bản đi và đến, cán bộ công chức và các ban ngành, đoàn thể trong cơ quan thường sử dụng mạng nội bộ (kết nối mạng Lan) trong trao đổi công việc. Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để cập nhật các thông tin, công việc được cấp trên giao; 100% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hòm thư công vụ trong trao đổi công việc; 100% cán bộ công chức xã cập nhật đầy đủ hồ sơ CBCC trên hệ thống điện tử <http://thongtinccvc.quangtri.gov.vn>.

Thực hiện áp dụng chữ ký số chuyên dùng trong văn bản điện tử theo Nghị định 130/2018/NĐ-CP; Việc gửi nhận văn bản đi, đến qua môi trường mạng theo Quyết định 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng chính phủ.

Việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001: 2015.

Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước giúp cán bộ công chức trong cơ quan xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mình, đồng thời tạo ra hệ thống các quy trình phục vụ cho việc giải quyết các nhiệm vụ cụ thể. Cùng với đó, hệ thống tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, kiểm soát chặt chẽ, giúp cho việc truy cập và sử dụng tài liệu thuận tiện. Quy định về kiểm soát, đánh giá nội bộ rõ ràng, giúp lãnh đạo cơ quan hiểu và nắm bắt được chất lượng thực hiện công việc của các bộ phận chuyên môn.

Năm 2024, căn cứ TTHC do UBND tỉnh mới ban hành sửa đổi, chuẩn hóa đơn vị đã hoàn chỉnh việc rà soát duy trì cải tiến (Sửa đổi) bộ tài liệu, áp dụng ISO vào thực tế giải quyết công việc ở địa phương, tạo nhiều thuận lợi cho cán bộ giải quyết công việc và công khai minh bạch TTHC với tổ chức và công dân.

Bên cạnh đó, đơn vị tư vấn thường xuyên cập nhật, trao đổi, tư vấn cho đơn vị được thuận lợi, hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC ở địa phương.

Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan làm việc: Trụ sở UBND xã đã được xây mới, khang trang, đáp ứng yêu cầu, điều kiện làm việc

7. Công tác tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý văn bản điện tử và lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng

Tổ chức Hội nghị triển khai ứng dụng có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho toàn thể cán bộ, công chức xã. UBND xã đã triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyển xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua các cấp thẩm quyền phê duyệt và ký số văn bản trên phần mềm QLVB và HSCV đầy đủ, đúng quy định.

Theo thống kê trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, tính đến ngày 14/12/2024:

Tổng số văn bản đi đã ban hành: 859 văn bản

Số văn bản đi điện tử: 802 văn bản, đạt tỷ lệ 93,69%

Số văn bản đi ban hành ký số: 802 văn bản, đạt tỷ lệ 100%

Số văn bản đi lãnh đạo ký số đã ban hành: 802 văn bản, đạt tỷ lệ 100%

Thực hiện xử lý văn bản, kết thúc hoặc tạo văn bản phúc đáp đúng quy trình, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Trong thời gian qua, công tác CCHC được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục, vì vậy lãnh đạo, chính quyền luôn quan tâm chỉ đạo quyết liệt từ việc thực hiện Nghị quyết và xây dựng chương

trình, kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát do vậy kiện triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC ngày càng đi vào nề nếp chất lượng và hiệu quả. Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của UBND huyện, các phòng ban chuyên môn của huyện và sự quan tâm của lãnh đạo xã, UBND xã đã hoàn thành cơ bản công việc được giao về nhiệm vụ cải cách hành chính; kịp thời tuyên truyền đến toàn thể công chức các văn bản về cải cách thủ tục hành chính; thực hiện tốt công tác cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn. Đội ngũ cán bộ công chức có năng lực trình độ, sắp xếp bố trí đúng với chuyên môn, có ý thức trách nhiệm hiệu quả công việc ngày càng nâng lên. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa được bố trí phù hợp, phân công cán bộ có đủ đạo đức, năng lực và trình độ tại bộ phận một cửa, hoạt động đi vào nề nếp, có hiệu quả.

Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc góp phần đấu tranh mọi thiếu sót, khuyết điểm trong công tác CCHC. Công tác tuyên truyền về CCHC được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú đã giúp nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ, công chức tích cực tham gia công tác tuyên truyền CCHC; tạo điều kiện cho người dân thuận lợi trong việc góp ý tham gia giám sát cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện.

Các nội dung CCHC thực hiện đảm bảo tiến độ, thủ tục hành chính được cập nhật công khai đầy đủ. Công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động tại cơ quan tiếp tục được đẩy mạnh đạt được một số kết quả quan trọng:

- 99,99 % số TTHC của tổ chức, công dân được giải quyết sớm và đúng hạn tại bộ phận một cửa xã.

- Đội ngũ CBCC được sắp xếp, bố trí ngày càng hợp lý, hiệu lực hiệu quả quản lý, điều hành được nâng cao.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường sử dụng, phần mềm quản lý văn bản được luân chuyển trong nội bộ cơ quan dưới dạng điện tử, chữ ký số được các đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả.

- Những hạn chế, tồn tại trong công tác CCHC năm 2023 cơ bản được khắc phục, đặc biệt trong công tác cải cách TTHC trên địa bàn xã, các tỷ lệ số hóa TTHC, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến được nâng lên so với cùng kỳ năm 2023.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác CCHC vẫn còn một số hạn chế, khó khăn.

Ở nông thôn, trình độ văn hóa thấp, chưa hiểu nhiều về công nghệ thông tin, nhiều người dân chưa có điện thoại thông minh... dẫn đến người dân thực hiện việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích chưa cao.

Hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch thường xuyên xảy ra lỗi, gây khó khăn trong quá trình nhập và xuất dữ liệu.

Tỷ lệ hồ sơ chứng thực bản sao điện tử thấp (do người dân không có nhu cầu)

IV. Những khó khăn vướng mắc và kiến nghị đề xuất, đề xuất nâng cao hiệu quả CCHC:

Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, các bộ phận chuyên môn phải nhập cùng lúc nhiều dữ liệu vào phần mềm, vừa phải ghi chép vào sổ lưu trữ (sổ lĩnh vực hộ tịch, các sổ chứng thực, sổ quản lý thu phí, lệ phí, sổ tiếp nhận hồ sơ trả kết quả), làm mất thời gian xử lý hồ sơ đáp ứng yêu cầu của công dân khi đến liên hệ thực hiện thủ tục hành chính.

Công chức được phân công nhiệm vụ CCHC xã kiêm nhiệm và phụ trách nhiều công việc nên áp lực về thời gian hoàn thành và cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Kiến nghị cơ quan cấp trên cần quan tâm bố trí kinh phí hỗ trợ phụ cấp cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

V. Phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới

Để tiếp tục cải thiện chỉ số CCHC xã Vĩnh Giang trong năm 2025, đòi hỏi toàn bộ các ban ngành, đoàn thể, cán bộ công chức phải tiến hành CCHC một cách đồng bộ, toàn diện, liên tục và thực chất. UBND xã chỉ đạo các ban, ngành tăng cường trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện CCHC theo đúng chỉ đạo của cấp trên cụ thể như sau:

- Tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo Kế hoạch CCHC năm 2024 của xã đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ được giao. Xây dựng kế hoạch CCHC năm 2024 với những nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng.

- Tăng cường kiểm tra công vụ thường xuyên hoặc đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu vi phạm Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế văn hóa công sở, Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tiếp tục rà soát CBCCVC cập nhật thông tin nhưng chưa đầy đủ, chưa đúng, cập nhật khi có thay đổi, biến động như nâng lương, nghỉ hưu, chuyển công tác ...vv trên hệ thống phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh, cần chấn chỉnh và thực hiện nghiêm túc; là tiêu chí đưa vào đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao cuối năm.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2025, theo dõi CBCC tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, đảm bảo hoàn thành 100% nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra. Cử CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, tập huấn theo Kế hoạch của huyện, tỉnh.

- Chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát và đơn giản hóa TTHC; công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong đó tập trung các nội dung sau:

- + Quán triệt không để hồ sơ trễ hạn trên phần mềm một cửa. Duy trì tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt từ 99% trở lên.

+ Đảm bảo 100% hồ sơ tiếp nhận được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

+ Thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC ở Bộ phận một cửa cấp xã. Xử lý nghiêm các bộ phận không thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra hồ sơ trễ hạn

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Duy trì tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết lên phần mềm một cửa điện tử.

+ Tỷ lệ hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đạt từ 80% trở lên.

+ Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Đảm bảo tỷ lệ hồ sơ nhận trực tuyến luôn đạt tối thiểu 70% và phấn đấu sang năm 2024 tỷ lệ đạt 90% theo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện tốt lĩnh vực cải cách thể chế, như: theo dõi thi hành pháp luật; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; tham mưu ban hành và xử lý, rà soát VBQPPL đúng quy định pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật và có biện pháp kịp thời xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp sai phạm.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC nhà nước của xã năm 2025; tuyên truyền về công tác CCHC bằng hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp, ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã. Thường xuyên cập nhật các chuyên mục, phóng sự, tin bài về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin...phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, các thôn để tuyên truyền về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của xã. Duy trì, cập nhật chuyên trang về cải cách hành chính, thường xuyên tuyên truyền, cập nhật các thông tin, quy định, quy trình về các thủ tục hành chính.

- Thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực hiện đại hóa hành chính.

- Tiếp tục tăng cường giải pháp nâng cấp cổng thông tin điện tử xã và cung cấp thông tin đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn xã.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng tài sản công và triển khai các giải

pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương, đặc biệt là giải ngân vốn đầu tư công. Phần đầu đến ngày 31/12/2025 đạt tỷ lệ giải ngân ít nhất 90% so với kế hoạch được giao.

- Thực hiện rà soát, xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, kiểm kê tài sản hàng năm đầy đủ theo đúng quy định.. Đẩy mạnh các biện pháp tăng nguồn thu ngân sách.

- Thực hiện chế độ báo cáo, nhiệm vụ cấp trên giao đúng thời hạn quy định.

- Khuyến khích động viên CBCC tham gia viết sáng kiến trong triển khai công tác CCHC, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về CCHC mang tính sáng tạo, mới mẻ và hiệu quả. Triển khai mô hình, sáng kiến được chọn đề nhân rộng, áp dụng cho địa phương.

- Tăng cường việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại UBND xã Vĩnh Giang trong năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng nội vụ huyện Vĩnh Linh;
- TV Đảng ủy, TT HĐND; UBND;
- TT UBMT xã;
- CBCC xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thế Đạt

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2024 của UBND xã Vĩnh Giang)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	23	
2,	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	33	
3,	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4,	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5,	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6,	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7,	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	1	
2,	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3,	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	11	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	22	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	142	
2,	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	2	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3,	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		

3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	2711	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	2710	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2,	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	18	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3,	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		

3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2,	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3,	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người		
4,	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	97,62	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1350	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1318	
2,	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2,	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3,	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4,	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5,	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%		
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	98	

5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	Trừ văn bản mật và lĩnh vực QP - AN
6,	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	61	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	61	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	9	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	63	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	63	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	2	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	97,6	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	124	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	121	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	2713	

6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	1954	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	100	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	30	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	30	